

*Tiểu luận dẫn nhập cho*

## Tác phẩm CÁC CÔNG DỤNG CỦA ĐẠI HỌC

Và tác giả CLARK KERR

*Nguyễn Xuân Xanh*

### PHẦN II

### CLARK KERR

*Sự sùng tín Chúa đích thực không đẩy con người ra khỏi thế giới nhưng làm cho con người có năng lực để sống tốt hơn trong đó và kích thích những nỗ lực của họ để cải thiện nó.*

William Penn <sup>[1]</sup>

*Giống như tất cả những nhà giáo dục lớn đích thực trong một xã hội tự do, Kerr xem tương lai như cái giá đỡ của nhiều khả năng có thể lớn hơn nữa và do đó có ý nghĩa đạo đức. Với tư cách là một nhà lãnh đạo, ông nhận lấy sự mạo hiểm để gìn giữ một thể chế và để chuẩn bị tương lai của nó. Trải nghiệm của ông nhắc nhở tất cả chúng ta về sự cần thiết bảo vệ sự độc lập trí thức của đại học. Sự lãnh đạo đòi hỏi phải chiến đấu ở nhiều chiến trường, ngay cả ở những chiến trường người ta chờ đợi một sự thất bại tạm thời.*

Harold T. Shapiro

“Nếu bạn thấy buồn tẻ với Berkeley thì bạn sẽ buồn tẻ với cuộc đời.”

Clark Kerr

---

<sup>[1]</sup> William Penn (1644-1718) là người Quaker thuộc dòng quý tộc từ Anh sang Mỹ thành lập bang Pennsylvania trong những năm 1680. Vua Anh Charles II trả nợ cho ông bằng một thửa đất rộng 45.000 dặm vuông (~ 116.000 km<sup>2</sup>) tại Pennsylvania (có nghĩa là cánh rừng của Penn). Bang này quy tụ những người Quaker từ Anh do Penn tổ chức đưa qua, cũng như những người của các tín ngưỡng khác bị ngược đãi ở châu Âu. Ở đó việc hành đạo và tự do tín ngưỡng được bảo đảm cho tất cả mọi người.

Đôi nét về tác giả có thể giúp hiểu thêm giá trị cuốn sách, hiểu thêm một cuộc đời rất đáng suy ngẫm. *Các công dụng của đại học* được viết cách đây đúng nửa thế kỷ (1963-2013), được bổ sung sáu lần và kết thúc 12 năm trước (2001). Tác giả qua đời cách đây tròn 10 năm (2003-2013).

Clark Kerr sinh ngày 17 tháng 5, 1911, con của một gia đình nhà nông ở bang Pennsylvania, quê hương đầu tiên của những người Quaker ở Hoa Kỳ, có học thức và xem trọng giáo dục. Trong thời gian theo học ở Swarthmore college ông gia nhập tổ chức những người Quaker (*Hội tôn giáo của những người bạn*, Religious Society of Friends, mà ông trở thành thành viên suốt đời), có những hoạt động thiện nguyện để giúp đỡ người nghèo thời Đại suy thoái, từ đó ông bỏ ý định học luật để học kinh tế tại Berkeley và làm luận án tiến sĩ dưới sự hướng dẫn của giáo sư Paul Taylor, một nhà kinh tế nông nghiệp tiến bộ (từng tư vấn cho Việt Nam). Ông đi thực tế nhiều, dần dần có kinh nghiệm đặc biệt trong việc dàn xếp trong các cuộc tranh chấp lao động, và trở thành một trọng tài nổi tiếng.

Ông dạy năm năm ở Đại học Washington, Seattle, trước khi trở về Berkeley năm 1945 với tư cách giám đốc của viện nghiên cứu các quan hệ công nghiệp vừa được thành lập. Khi cuộc tranh cãi về “tuyên thệ trung thành” tại UC Berkeley nổ ra năm 1949 (thời chủ nghĩa McCarthy), Kerr trở thành nổi tiếng là người bảo vệ 31 giáo sư bị sa thải vì từ chối ký vào bản tuyên thệ. Công việc thắng lợi. Ông trở thành tiếng nói của lý trí, một người thương thuyết tinh tế và một người hoà giải có năng lực. Khi những nhà quản trị thành lập chức hiệu trưởng (chancellor) đầu tiên của trường đại học Berkeley, Kerr trở thành sự chọn lựa tốt nhất dưới mắt mọi người.

Trong thời gian sáu năm tại Berkeley, Kerr tập trung vào việc “an dân”, làm cho đời sống của campus có nhiều chất sống và dân chủ hơn, sửa chữa lại những thiệt hại của “tuyên thệ trung thành”, và xây dựng trác việt, mở rộng về vật chất cũng như về học thuật của campus cần thiết để đón lấy trận hồng thủy sinh viên sắp đến đầu những năm 1960 tràn vào đại học, hệ quả của đợt “baby boom” sau thế chiến.

Năm 1958, khi người tiền nhiệm Robert G. Sproul nghỉ hưu, Kerr được bầu ngay vào chức chủ tịch Đại học California. Ông là kiến trúc sư và người thực hiện và giám sát của chương trình chỉ huy thực hiện *Quy hoạch tổng thể* của giáo dục đại học công của California, được ban hành năm 1960 dưới thời Dwight D. Eisenhower, nhằm tạo sự tăng trưởng trật tự trong khuôn khổ hệ thống ba cấp được phân khúc. Đồng thời ông cũng tiến hành sự phân quyền quản lý trong hệ thống đại học.

Trong nhiệm kỳ mình, Kerr thực hiện nhiều chương trình phát triển, như xây dựng, bố trí nhân sự, và mở thêm ba campus Đại học UC ở các vị trí Santa Cruz, San Diego, và Irvine. Các đơn vị hiện hữu ở Davis, Santa Barbara, và Riverside được mở rộng thành các “campus tổng hợp” (“general”), nhận được những cơ hội bình đẳng với các campus khác để tham gia vào đào tạo graduate và nghiên cứu.

*Quy hoạch tổng thể* này nhằm chia hệ thống trường công của giáo dục cấp sau trung học thành ba hệ thống trường với các vai trò khác nhau: hệ thống *Đại học California* (University of California, UC, gồm 10 trường như UC Berkeley, UC Los Angeles, UC San Diego,..., là những đại học nghiên cứu lớn), hệ thống các *Đại học bang California* (California State Colleges, CSC, gồm 23 trường như San José State, San Francisco State, Cal State L.A.,... với bằng cử nhân và thạc sĩ) và hệ thống các *Đại học Cộng đồng California* (California Community Collges, CCC, gồm 112 trường được thành lập năm 1967, với hệ hai năm, có thể

chuyên tiếp lên các CSC hay UC sau đó). Hệ thống giáo dục ba cấp này có mục đích điều hòa các nhu cầu đại học, xác định năng lực của từng học viên phù hợp với từng loại đại học, bảo đảm tính trác việt (excellence) và sự tiếp cận giáo dục bậc cao cho tất cả mọi người không phân biệt sắc tộc hay giới tính. Nếu tổng thống J. F. Kennedy trong bài diễn văn về *Quyền dân sự* năm 1963 nói đến “sự bình đẳng về cơ hội” cho các màu da, thì tại California, bang đầu tiên của Hoa Kỳ, mô hình giáo dục đại học mới đem lại cơ hội thực hiện sự bình đẳng ấy một cách thực chất. Sự *bình đẳng về cơ hội* trở thành *cơ hội cho sự bình đẳng*.

Mặc dù sinh ra trong một gia đình nhà nông ở Pennsylvania vào thời kỳ chỉ có không quá 5 phần trăm thanh niên Mỹ được vào college, nhưng Kerr tin rằng mỗi sinh viên cần được quyền theo học college, bất luận gia đình họ có thể đảm đương được hay không. Ngày nay, “mỗi sinh viên hay nhà lãnh đạo campus còn đang sống đều chịu ơn nặng đối với Clark Kerr, chính vì tầm nhìn và sự quyết tâm táo bạo của ông đã giúp tạo ra đại học hiện đại, và ý tưởng rằng sinh viên từ tất cả các thành phần xã hội đều có thể tiếp cận college”, như David Ward nói, chủ tịch của Hội đồng giáo dục Mỹ, và cựu chủ tịch Đại học Wisconsin tại Madison.



Chủ tịch Đại học California, Clark Kerr, 1964.  
Courtesy UC Berkeley.



TIME ngày 17.10.1960 CourtesyTIME

Kerr không chủ trương có “ngọn cờ đầu” (flagship) như các hệ thống đại học công của các bang khác. “Tôi ủng hộ sự đa dạng trong Đại học California. Thay vì chỉ có một hay hai campus khổng lồ, chúng ta nên có nhiều campus được phân bố khắp bang, với qui mô hợp lý, phụng sự các cộng đồng chính của bang. Mỗi một campus nên có sự khác biệt – có tính cách riêng, đặc tính riêng, và có ý thức riêng về bản sắc”, Kerr nói. Trong tinh thần này, Đại học California Los Angeles nhận được cái mà Kerr gọi là “một vị trí dưới ánh mặt trời”, những nguồn lực ngang bằng với Berkeley trong phần lớn các lãnh vực.

Kerr quyết tâm không những mở rộng hệ thống đại học, tạo sự dân chủ hoá giáo dục, mà còn theo đuổi nâng tính cạnh tranh và tạo sự trác việt cho Đại học California. Trong suốt quá trình tăng trưởng mạnh mẽ về qui mô, chất lượng của hệ thống giáo dục của bang không bao giờ giảm sút mà còn tăng lên. Ai học tại đại học Berkeley, chắc một lần nghe câu nói hóm hỉnh này của Clark Kerr: “*Nếu bạn thấy buồn tẻ với Berkeley thì bạn sẽ buồn tẻ với cuộc đời.*”

Trong bài diễn văn khai mạc năm 1958, với tư cách là chủ tịch mới của (hệ thống) Đại học California (UC), còn được gọi là “đại học ngàn dặm”, ông nói nhiều về giá trị và vai trò của tri thức và đại học:

“Trong mắt của công chúng, các diễn viên trên vũ đài thế giới có thể là các vận động viên và các chính trị gia, tướng lãnh và nhà ngoại giao, nhưng không ai có thể dám làm ngơ các lớp học, các phòng thí nghiệm và thư viện, những thứ vốn ở hậu trường nhưng ở đó lịch sử thật sự được làm ra.”

“Kết luận lại, đại học trải qua nhiều thế kỷ đã chuyển từ vai trò của nó như người canh giữ của quá khứ sang vai trò người khám phá của tương lai; và trong cuộc chuyển đổi này đại học trở thành một trong những tiêu điểm lớn của nỗ lực nhân loại. Để tạo ra tri thức mới, đào tạo những người đàn ông và phụ nữ có thể sử dụng tri thức mới, để làm cho tri thức này bao hàm toàn diện, do đó trở thành người phục vụ, hơn là người chủ của con người, để giúp con người hiểu những giá trị mà tri thức này cần được làm ra để phục vụ--đó là những nhiệm vụ lớn của đại học trong việc thúc đẩy xã hội công nghiệp đang diễn ra khắp nơi trên thế giới. Đó là những nhiệm vụ của Đại học California trong một thời đại khi mà giá trị của tri thức là hiển nhiên hơn bao giờ hết so với trước đây- một thời đại của sự triển khai trí tuệ thần thoại nhất trong lịch sử nhân loại. Đó có thể là một Thời đại vàng đích thực trong đời sống của Đại học California, và có thể trở thành một Thời đại vàng của nhân loại.”

Giống như những lời tuyên ngôn hành động trước khi ông bước cao lên vũ đài đại học.

C.P. Snow đã viết về Đại học California: “Và giờ đây thành tựu khoa học của Hoa Kỳ đang chuyển động ở tốc độ mà chúng ta phải lấy làm kinh ngạc. Hãy nghĩ về ‘chòm sao’ (constellation) đáng ngạc nhiên của tài năng, đặc biệt trong ngành khoa học vật lý, kéo dài dọc theo bờ biển California, từ Berkeley và Stanford đến Pasadena và Los Angeles. Không có chỗ nào có sự tập trung tài năng giống như thế trên thế giới. Điều đó đôi khi làm ngạc nhiên những người châu Âu để nhận thức rằng có bao nhiêu khoa học thuần túy của toàn thể phương Tây được thực hiện ở Hoa Kỳ. Thật là kỳ lạ, điều đó gây cả ngạc nhiên cho chính những người Mỹ.”

Nếu ‘cao nguyên’ trí tuệ chạy từ Boston đến Washington bên bờ biển phía Đông, với các đại học và phòng thí nghiệm của nó, chiếm 46% các giải Nobel của Hoa Kỳ, thì ‘rặng núi’ thứ hai dọc theo bờ biển California phía Tây chiếm tới 36%. Dãy núi hàn lâm thứ ba của Mỹ là ‘Mười ông anh cả’ (Big Ten, bao gồm các đại học Northwestern, Michigan State, Purdue,

Illinois, Michigan, Penn State, Minnesota, Wisconsin, Ohio State, Iowa và Indiana) và Chicago chiếm 10%. Các trung tâm trác việt thường có khuynh hướng kết lại nhau.

Con đường 128 quanh Boston, và các phức hợp công nghiệp lớn phát triển tại vùng vịnh San Francisco và Nam California phản ánh các đại học trong các khu vực này. Báo cáo Gilpatric của Bộ quốc phòng cho biết có 41 phần trăm hợp đồng quốc phòng dành cho nghiên cứu trong tài khoá 1961 được trao cho California, 12 phần trăm cho New York, và 6 phần trăm cho Massachusetts, tổng cộng gần 60 phần trăm, lý do một phần vì đây cũng là những “trung tâm học thuật”.

Đại học California (UC) ngày nay tuyển 200.000 sinh viên, có 160.000 giảng viên và nhân viên. UC có 10 campus, 5 trường y khoa và bệnh viện giảng dạy, ba trường luật, hơn 600 trung tâm, viện và chương trình nghiên cứu. Hơn 100 thư viện của UC có khoảng 30 triệu quyển sách, chỉ thua thư viện quốc hội (library of congress) và Harvard về chất lượng sách.

Tạp chí TIME ngày 17.10.1960, với ảnh của Clark Kerr trên trang bìa để tỏ sự ngưỡng mộ vị kiến trúc sư tài năng của California Master Plan, gọi ông là một “Machiavellian Quaker”, viết: “Đại học California chiếm lĩnh mọi thứ từ nguyên tử đến vũ trụ.” Câu này làm người ta nhớ lại tiếng thom của đại học này đã có từ đầu thế kỷ 20: “Tôi không biết một đại học nào nuôi dưỡng cả hai lãnh vực cơ khí và siêu hình học thành công đến thế, hay đại học nào nhìn vào vũ trụ, và đồng thời đến gần với đời sống của người dân như thế; hay đại học nào khai quật mộ của các Pharaoh và Inca trong khi nó phát minh ra những giống cây cho ngành nông nghiệp của tương lai.” (Slosson 1910, trong Pelfrey)

California là vùng đất đã từng có nhiều cuộc đổ xô đi tìm vàng (*gold rush*), đầu tiên năm 1849 khi mỏ vàng được phát hiện. Rồi đến các đồn điền cam quít Nam Cali, đồn điền nho với rượu vang Bắc Cali cuối thế kỷ mười chín. Tiếp đến Hollywood, công nghiệp phim ảnh đầu thế kỷ hai mươi, sự phát triển kỹ nghệ liên quan đến quân sự trong và sau thế chiến thứ hai, rồi Silicon Valley. Cuộc đổ xô tìm vàng gần nhất là công nghiệp sinh học, dẫn đầu bởi Stanford, CalTech và các campus của Đại học California như Davis, Berkeley, UC-Francisco và UC-San Diego. (Kerr, *Memoir I*) Nhưng cuộc đổ xô đi tìm vàng lớn nhất chính là giáo dục, giáo dục đại học nhằm tạo ra tri thức và nhân lực cho các ngành kỹ nghệ của bang. Một tu sĩ đã từng nghĩ thay cho Cali khi ông đặt chân đến vùng đất này, rằng “*Mind before Mines*” (Trí tuệ đi trước mỏ quặng). (Pelfrey) Điều đó hơn một trăm năm sau trở thành sự thật.

“Clark Kerr làm cho giáo dục đại học điều mà Henry Ford đã làm cho ngành xe hơi”, chủ tịch Arthur Levine của teachers college tại Đại học Columbia viết trên *New York Times* một ngày sau khi Kerr mất. “Ông đã tạo ra hàng loạt giáo dục có chất lượng với chi phí thấp và tiềm năng nghiên cứu cho một quốc gia đang khao khát cả hai thứ...”

\*\*\*

*Chính trị can thiệp.* Clark Kerr cũng ‘nổi tiếng’ không kém về thái độ cương trực của ông trong việc bảo vệ tự do học thuật. Trong những bất ổn sinh viên những năm 1960, Kerr từ chối sử dụng bạo lực để trấn áp sinh viên tại campus và tự thương lượng với sinh viên, do đó đã trở thành mục tiêu loại bỏ của FBI thời J. E. Hoover. Tháng 2 năm 1967, sau khi Ronald Reagan lên làm thống đốc bang Cali, Clark Kerr bị buộc tự rút lui êm thấm, nhưng ông từ chối làm việc đó đến hai lần, ông quyết chiến đấu, khiến cho Hội đồng quản trị của UC phải ra tay sa thải ông với tỉ số phiếu 14-8 trong đó có một phiếu của Reagan. Để đáp lại, một cách dí dỏm, Kerr tuyên bố rằng ông rời đại học California y như lúc ông bước vào nó: “thảm lửa

niệt tình”. Nhưng trong vòng bạn bè thân thiết, ông cảm thấy sự sa thải phủ phàng đã làm tổn thương ông.

“Đại học không cam kết làm cho các ý tưởng an toàn cho sinh viên. Nó (ngược lại) cam kết làm cho sinh viên an toàn cho các ý tưởng. Do đó nó cho phép sự phát biểu tự do nhất các quan điểm trước sinh viên, tin tưởng vào tri giác tốt của họ trong việc đánh giá các quan điểm này. Chỉ bằng cách này đại học mới có thể phục vụ tốt nhất nền dân chủ Mỹ.”

như Kerr phát biểu năm 1961 bảo vệ quan điểm của mình khi ông cho phép một sinh viên cộng sản phát biểu tại đại học.

Sau khi Kerr ra đi, bạo loạn lại nổ ra khiến một người chết, hàng chục người khác bị thương. Reagan sau đó ra lệnh đưa vệ binh quốc gia tiến vào Berkeley, trung tâm của các sự nổi loạn. Mười ngày sau, gần 1.000 người bị bắt. “*Sự hoà giải (conciliation), tôi tin thế, là cách tiếp cận ưu việt trong thế giới hàn lâm*” chứ không phải bạo lực hoặc áp đặt, Kerr nói.

Ông yêu tự do, hiếu hoà và cởi mở, không thích mọi thứ giáo điều, theo tinh thần và đức hạnh của một người Quaker. Những người Quaker không có một mớ tín điều nào cố định để theo, và cũng không cho rằng con đường của họ là con đường duy nhất. Con đường tu thân của họ là một cuộc hành trình dài của trải nghiệm với trái tim luôn luôn rộng mở để sẵn sàng đón nhận những nhận thức mới.

Tôi muốn nói điều này: rằng một đại học được quản lý một phần dựa trên tự do. Một đại học không thể được quản lý như một nhà nước cảnh sát, hay ít nhất nó không thể được quản lý như một đại học *tốt* giống một nhà nước cảnh sát.

như Kerr tuyên bố trong buổi họp báo sau khi bị bãi chức. Và một cách gián tiếp để trả lời quyền lực chính trị ông phát biểu:

Và tôi không tin vào nguyên tắc rằng bởi vì có một thống đốc mới nên cần có một chủ tịch đại học mới. Điều này không bao giờ xảy ra tại các trường đại học công tốt ở Hoa Kỳ. Ngay cả điều đó cũng lỗi thời ở những đại học công tốt vừa phải hay yếu kém. Đó là khía cạnh tự chủ (của đại học). Tôi tin người dân của bang này cần thấu hiểu, và tôi tin phần lớn họ làm điều đó, rằng đại học có thể phụng sự cho nhân dân tốt nhất khi được quản lý dài hạn bằng (nguyên tắc quyền) tự chủ.

Các nhóm tôn giáo đã từng chiến đấu nhiều thế kỷ để được độc lập với quyền bính chính trị, với lý do rằng họ muốn phụng sự Thiên Chúa chứ không phải phụng sự Caesar, và tôi nghĩ một đại học (cũng) cần một sự tách biệt như thế giống như sự tách biệt giữa nhà thờ và nhà nước: sự tách biệt giữa đại học và nhà nước. Thay vì nói phụng sự Thiên Chúa chứ không phải Caesar, tôi muốn nói phục vụ chân lý chứ không phải một đảng phái chính trị. (Kerr, *Memoir II*)

Tại cuộc họp báo, ông được giới báo chí nhiệt liệt tán thưởng đứng kéo dài rất lâu, một hiện tượng hiếm thấy. Kerr muốn nói chân lý với quyền lực.

Không phải Kerr mới gặp khó khăn bây giờ. Khi Kerr được bầu làm chancellor (hiệu trưởng) đầu tiên của đại học Berkeley năm 1952, ông đã bị thẩm vấn bởi hàng loạt nhân viên tình báo của Ủy ban điều tra về những hành động ‘un-american’, ‘không-Mỹ’. Ngay nọ, như ông kể, một người lạ mặt “bước vào văn phòng, ngồi xuống bàn làm việc của tôi, mở sổ ghi chép ra, và đặt cho tôi câu hỏi: ‘Ông là một người Mỹ 100 phần trăm?’ Tôi trả lời rằng tôi không thể

trả lời câu hỏi đó, trừ khi ông định nghĩa rõ ‘một người Mỹ 100 phần trăm’ là gì. Ông nhìn tôi và nói: “Bất cứ ai không biết một người Mỹ 100 phần trăm là gì thì người đó là không-Mỹ. Rồi ông ta đóng ập quyển sổ lại, cất bút, đứng lên và đi khỏi văn phòng tôi. Điều đó chắc đem lại một điểm đen trong hồ sơ tôi.” Đó chỉ là một trong rất nhiều chuyện ông bị theo dõi. (Kerr, *Memoir II*)

\*\*\*

*Bất ổn lịch sử không thể quên.* Kerr là người tự do hoá hoạt động chính trị ở campus Berkeley khỏi nhiều giới hạn của người tiền nhiệm, cho phép sinh viên phát biểu ý kiến rộng rãi, kể cả những sinh viên cộng sản. Được dịp, phong trào viên quay chống lại chính Kerr, chống lại đa đại học của Kerr và những gì ông trình bày trong quyển sách *Các công dụng của đại học*. UC Berkeley, trong bảng xếp hạng năm 1964 giữa các đại học nghiên cứu Mỹ, được xem là “xuất sắc nhất” (most distinguished) và “cân đối nhất” (best balanced) của quốc gia, đồng thời cũng lại là cục nam châm thu hút mạnh mẽ nhất các hoạt động chính trị bất ổn của sinh viên như một ngòi pháo cho một phong trào sinh viên rộng lớn trên phạm vi quốc gia.

Mario Savio, người sinh viên lãnh đạo nổi bật nhất của *Phong trào phát biểu tự do* (Free Speech Movement tại UC Berkeley, 1964-65, sau đó chuyển thành phong trào chống chiến tranh Việt Nam, lan rộng trên toàn nước Mỹ) đã kêu gọi trong bài diễn văn lịch sử có tên ‘Một sự chấm dứt cho lịch sử’:

“Nhưng chúng ta chỉ là một mớ các nguyên liệu...Đừng nghĩ rằng chúng ta sẽ được chế biến thành một sản phẩm! Đừng nghĩ rằng chúng ta cuối cùng sẽ được mua bởi những khách hàng nào đó của Đại học, dù là chính quyền, kỹ nghệ, lao động được tổ chức, hay ai khác! Chúng ta là những con người!... Có một thời mà sự vận hành của cỗ máy đã trở nên ghê tởm, làm cho các bạn bình hoạn đến tâm can, rằng bạn không thể tham gia được nữa. Các bạn cũng không thể tham gia thụ động nữa. Và bạn phải ném cơ thể bạn vào các bánh răng, bánh xe, lên các đòn bẩy và tất cả guồng máy để làm cho nó ngừng lại.”

Savio kết án đại học chỉ là “xí nghiệp sản xuất tri thức” mà Kerr là nhà ý thức hệ của nó. Đại học mà Kerr đã mô tả trong tác phẩm *Các công dụng đại học* trở thành mục tiêu đả phá.

Những bất ổn sinh viên có lẽ là lý do khiến cho Ronald Reagan dành chiến thắng bất ngờ trở thành thống đốc California để thực hiện cuộc “đẹp loạn” như ông đã hứa. Và Kerr bị kẹt giữa hai làn đạn của tả và hữu. Kerr là người tranh đấu cho tự chủ của đại học, và khi làm điều đó, ông đã trở thành một kẻ “tử vì dân chủ Mỹ”. Với ông, đại học vừa là người phụng sự xã hội, vừa là người phê phán, nên đã tạo ra những căng thẳng giữa đại học và những người đỡ đầu nó.

Sự cách chức Kerr đã tạo ra dư luận phẫn nộ trong giới học giả và sinh viên. Sinh viên biểu tình phẫn kháng tại nhiều campus. Một biếm hoạ trên báo *UCLA Daily Bruin* về Reagan với bàn tay vẩy máu và nước mắt cá sấu, ở phía sau là nạn nhân nằm chết với con dao đâm vào lưng, và đặt vào miệng thủ phạm: “Sự sa thải của TS Kerr đến với tôi trong sự ngạc nhiên hoàn toàn”. Hội đồng Hàn lâm của Berkeley triệu tập một buổi họp của giới giáo chức tại Sân khấu Hy Lạp để phản đối. Thẩm phán tối cao Earl Warren của Hoa Kỳ và ba lần thống đốc California đến dự. Tại nhà ông riêng ông ở El Cerrito khách có thể xem cả một bức tường đầy những tranh biếm hoạ của báo chí về sự sa thải này.

\*\*\*

*Sống mãi.* Nhưng tên tuổi của Kerr không lu mờ đi khi mất chức như thường thấy trong đời thường khi con người bị mất chức, mà ông vẫn tiếp tục toả sáng. Đương thời Kerr là người không bao giờ sợ mất chức, và vì thế giữ được tính độc lập của mình để sẵn sàng nói ‘không’ hay nói ‘có’ khi mình muốn. Một con người tự tin vào tầm nhìn, sức hiểu biết và tài năng của mình thì chẳng bao giờ biết sợ cả. Ông chống lại mọi đề nghị tăng lương thái quá cho ông từ Hội đồng quản trị, để ông bảo vệ sự độc lập, không sợ mất chức (lương ông lúc mất chức là \$45.000/năm), không hề thuộc vào đồng tiền, tiền càng nhiều thì con người càng dễ bị sợ hãi, lệ thuộc, và bám víu. Ông không ngần ngại nói “không”, nói ngược lại quyền lực. Ngày nay lương các chủ tịch đại học tên tuổi Hoa Kỳ có thể lên đến nửa triệu đô năm, chưa kể các bổng lộc khác cũng rất lớn (!), một “tập tục” mà ngành giáo dục đại học đã “tiếp thu” từ thế giới kinh doanh, thông qua các công ty thuê người chuyên nghiệp, như người ta trách cứ.

Triết lý của Kerr có tiền lệ. Chủ tịch Eliot của Harvard đã từng biến đồng lương thấp thành *đức hạnh quốc gia*. Trong bài diễn văn nhậm chức năm 1869 ông viết đờm nét triết lý hy sinh của tôn giáo: “Sự nghèo khó của các học giả là vô giá trong quốc gia tiền đang vô này. Nó gìn giữ các tiêu chuẩn của đức hạnh và danh giá. Những thầy dồng nghèo khó, chứ không phải các giám mục, là những người cứu rỗi nhà thờ. Các học giả nghèo khó, và nhà thuyết pháp về bôn phận, bảo vệ cộng đồng hiện đại chống lại sự phồn vinh vật chất của nó. Sự xa xỉ và học thuật là những kẻ đồng giường dị mộng.” (Rudolph)

Người ta cho rằng ông dần dần ‘được biểu tượng hoá’ (canonized) trong lãnh vực giáo dục đại học. Được các đại học Harvard và Stanford mời, nhưng Kerr chọn vị trí người đứng đầu của Ủy ban Carnegie về Giáo dục Đại học từ 1967-73, và của tổ chức tiếp theo là Hội đồng Carnegie về Nghiên cứu Chính sách, nơi ông đã công bố một loạt sách có giá trị về giáo dục đại học. Trong vòng 13 năm hoạt động tại Ủy ban và Hội đồng Quỹ Carnegie về giáo dục đại học, hơn 140 tập nghiên cứu và bình luận về giáo dục đại học được xuất bản, nhiều thứ trong đó được chính Kerr viết hay thảo ra. Đó là một công trình khảo sát toàn diện nhất về giáo dục đại học chưa từng có.

Ngoài ra ông cũng cho xuất bản nhiều quyển sách của riêng ông tiếp theo *Các công dụng của đại học*, đặc biệt hai quyển *Memoir* vào cuối đời ông, đúc kết lại những trải nghiệm của ông trong thời gian hoạt động tại Berkeley và Đại học California, 1949-1967, bộ sách rất có giá trị. Tất cả những bài viết của ông đều toát ra tinh thần khai sáng, tinh học thuật cao và có sức truyền cảm hứng mạnh mẽ cho người đọc.

Thời gian trôi đi mang lại sự đánh giá mới về phong trào nổi loạn của sinh viên và Kerr. Tháng 5, 1974, Kerr được Hội đồng quản trị cử làm *President Emeritus* và ca ngợi là ‘một trong những người không lồ của nền giáo dục Mỹ’. Ba thập kỷ sau, phong trào sinh viên được phục hồi. Những bậc thêm đi lên Giảng đường Sproul, nơi Mario Savio đã từng đọc diễn văn kêu gọi triệt hạ đại học, được mang tên *Những bậc thêm Mario Savio*. Tại buổi lễ đặt tên, một diễn giả đã nói lên niềm hy vọng rằng “mỗi thế hệ của sinh viên Berkeley sẽ đẻ ra một phần số người chống đối, nổi loạn, khuấy rối hoà bình, rằng họ sẽ tiếp tục kích động, rằng họ sẽ thử thách sự kiên nhẫn và lòng khoan dung của đại học. Sức khoẻ thực sự của đại học, sự lành mạnh và sự sống còn thực sự của quốc gia chúng ta tùy thuộc vào đó.” (Pelfrey)

Vào một ngày mùa thu 1994, trong buổi lễ kỷ niệm năm thứ ba mươi của *Phong trào phát biểu tự do*, khi Kerr đi ngang qua Sproul Plaza của campus Berkeley, một cựu sinh viên từng tham gia những cuộc biểu tình năm 1964 tiến đến choàng tay lên hai vai ông, và nói: “Tôi đã nuôi hy vọng đến để được gặp ông, để nói với ông rằng nếu ông không mang đến Berkeley sự



phát biểu tự do và giữ cho campus mở rộng cửa cho sự phát biểu tự do mùa thu năm 1964, thì chúng tôi sẽ không bao giờ có được phong trào phát biểu tự do.” (Kerr, *Memoir II*)

Kerr có phải là “cộng sản” hay “thân cộng” không như FBI đã gán? Vào một ngày của năm 1934 Kerr dự một đại hội sinh viên gần UCLA, được tổ chức dưới ảnh hưởng của đảng cộng sản Mỹ. Ông ngồi cạnh một nữ sinh tóc nâu vàng khá ấn tượng tên Catherine ‘Kay’ Spaulding. Trong khi họ im lặng theo dõi các người của đảng chiếm lĩnh diễn đàn, Catherine chuyển cho Kerr một mẫu giấy viết tay: “Anh có phải là cộng sản không?” Kerr đáp lại: “Không”. Catherine viết tiếp: “Em cũng không”. Tám tháng sau, họ cưới nhau vào Giáng Sinh năm đó.

Kerr mất trong một giấc ngủ yên lành vào ngày 1 tháng 12, 2003 tại nhà riêng trên đồi của thành phố El Cerrito, California, nhìn ra khu vịnh San Francisco, và Đại học California, campus Berkeley, hưởng thọ 92 tuổi. Ông bị thương khi té hai tuần trước đó. Kerr để lại vợ, hai con trai, một gái và nhiều cháu, cùng vô số bạn bè, đồng nghiệp, học trò và người ngưỡng mộ ông.

“Clark Kerr là một người không lồ của ngành giáo dục đại học Mỹ; và toàn cộng đồng Đại học California cùng đau buồn về sự ra đi của ông. Ông là chủ nhiệm của cộng đồng giáo dục đại học không những của California, mà còn của nước Mỹ, và chúng ta sẽ mãi mãi chịu ơn ông về những đóng góp ngoại hạng mà ông đã làm cho sự trác việt giáo dục và cơ hội.” (Robert C. Dynes, cựu chủ tịch UC)

“Clark Kerr là một chính khách xuất sắc nhất của quốc gia trong giáo dục đại học, nổi tiếng thế giới không những là một học giả và nhà lãnh đạo hàn lâm, mà còn một nhà nghiên cứu, một cây bút sâu sắc về vai trò của giáo dục đại học trong xã hội. Ông đã làm hơn bất cứ ai để đưa hệ thống UC lên con đường đến hiện trạng như ngày nay - khối cộng đồng tri thức hàng đầu của thế giới” - như cựu chủ tịch UC Richard Atkinson phát biểu trong lễ công bố *Các bài giảng Clark Kerr về vai trò của giáo dục đại học trong xã hội*, (The Clark Kerr Lectures On the Role of Higher Education in Society) được thành lập năm 2001 dưới sự bảo trợ của Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục đại học tại Campus Berkeley.

Kerr không những phụng sự đại học mà còn phụng sự đất nước ông, với tư cách là thành viên của nhiều ủy ban dưới thời Tổng thống Eisenhower, Kennedy và Johnson về các mục tiêu quốc gia, chủ tịch “Các triển vọng toàn cầu về giáo dục” mười năm, và chủ tịch Ủy ban Quốc gia về một cuộc dàn xếp chính trị tại Việt Nam, đơn cử vài trường hợp.

Ông được ngưỡng mộ như một nhà tư tưởng lớn, uyên thâm. Tầm nhìn sáng sủa, logic và thuyết phục của ông về những triển vọng và vấn đề của giáo dục đại học đã ảnh hưởng nhiều thế hệ của những nhà lãnh đạo chính trị và giáo dục. Kerr có biệt tài “nhìn vào hàng núi thông tin và nhận ra các mẫu vận cùng xu hướng trong khi những người khác chỉ thấy một mớ dữ kiện và thống kê lộn xộn.” (Pelfrey) “Ông có năng lực luôn luôn nắm bắt *bức tranh lớn* bất luận chủ đề gì ông theo dõi” (Neil Smelser, trong Rothblatt 2012).

Đại học UC Santa Barbara trân trọng khắc câu nói của Kerr: *Đại học không cam kết làm cho các ý tưởng an toàn cho sinh viên* lên chiếc chuông treo tại Tháp Storke, như lúc nào cũng muốn nhắc nhở. Một tiểu campus tại UC Berkeley được mang tên ông. Câu lạc bộ của hội đồng giảng viên Berkeley có nhà hàng mang tên Clark Kerr, trong đó có một món “Đặc sản Clark Kerr”.

“Clark Kerr thông thường không được xem là một nhà đạo đức. Tự ông dường như đã làm giảm uy tín ý tưởng khi ông viết trong các bài giảng Godkin của năm 1963 trình bày tại Harvard rằng đa đại học là một “tất yếu lịch sử” không cần một nhà thơ để ca ngợi nó. Nhưng hồ sơ cuộc sống đáng ngạc nhiên của ông và những đóng góp ngoại hạng của ông trong đó cho lịch sử của những giá trị Hoa Kỳ đã đảo ngược kết luận dễ làm nhầm lẫn kia. Ông thực sự là một nhà đạo đức, và cũng giống những nhà đạo đức khác, ông trải nghiệm những sự thất vọng một cách nhiệt tình, và chiến đấu để giữ lại một cảm giác lạc quan về tương lai của đại học nghiên cứu. Ông yêu Đại học California, nhưng ông không phải là một người nâng đỡ không phê phán. Tình yêu đầu tiên của ông thực tế chính là nền dân chủ Mỹ, và cuộc đời ông được dành hết cho việc tìm ra những cấu trúc và hệ thống cho phép cả nền giáo dục đại học hoàn thành lời thề ước quốc gia về cơ hội, công bằng, và tôn trọng phụng sự công. Nếu không có những nhà thơ ca ngợi đa đại học thì có nhiều người sẽ ca ngợi đa đại học của ông” như Sheldon Rothblatt, Giáo sư Emeritus lịch sử, Nguyên giáo đốc Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục đại học, UC Berkeley, phát biểu trong lễ kỷ niệm một năm sau khi Kerr mất (Trong *Remembering Clark Kerr*).

“Cuộc đời của Kerr là một bản di chúc của niềm tin vào lý tính, sự thuyết phục, tạo đồng thuận, vào sự tương tác của những ý tưởng, và chứng cứ, trong sự tôn trọng nhau - sự hiện thân của các quyền tự do hàn lâm mà ông đã cam kết đích thân và chuyên nghiệp. Đó là “Các công dụng của đại học” mà ông đã dẫn thân, và vì thế, đối lập lại những sự lạm dụng của nó dựa trên các phương tiện quyền lực và cưỡng bức của sự “thuyết phục” hơn là trên các diễn đạt bằng lý tính của ý muốn con người mà vì điều đó Kerr sẽ được tưởng nhớ đến dài lâu. Hãy để cho ánh sáng hiện lên. Fiat Lux.” (Gardner, Chủ tịch emeritus của Đại học California và Đại học Utah.)

Ông liên lạc với trí thức và học giả hải ngoại, và họ làm những cuộc hành hương để được gặp ông. Ông được biết đến nhiều ở châu Âu, châu Á, châu Mỹ La tinh, và thường xuyên được mời diễn thuyết, tham vấn, cố vấn cho các đồng nghiệp và chính phủ. Ông là thành viên của Hội đồng quản trị của Đại học Hồng Kông những năm 1960.

Ông đã có nhiều trải nghiệm lịch sử ở những mốc quan trọng, chứng kiến sinh viên và giảng viên Đức từng ủng hộ Nazi trong những năm 1930, sự lên ngôi của phong trào hồng vệ binh ở Trung quốc những năm 1960, và phong trào Zengakuren<sup>21</sup> ở Nhật Bản thời chiến tranh Việt Nam qua những chuyến thăm các đại học Nhật Bản. (Gardner)

Năm 1968, Phân khu Berkeley của Hội đồng Hàn lâm (Academic Senate) của Đại học California cho ra đời ‘Giải thưởng Clark Kerr’ với Huy chương Clark Kerr dành cho những học giả có đóng góp xuất sắc cho ngành giáo dục đại học. Trong danh sách dài những người được giải, ngoài chính ông ra có những nhân vật tên tuổi như Thượng nghị sĩ J. William Fulbright, người sáng lập Chương trình Fulbright, Sir Eric Ashby, James Bryant Conant, cựu chủ tịch Harvard, David Riesman, cựu giáo sư xã hội học Harvard, Derek Bok, cựu chủ tịch Harvard, Henry Rosovsky của Harvard, Frank H. T. Rhodes của Cornell, Yuan T. Lee, giáo sư hoá tại UC Berkeley, giải Nobel 1986, Harold T. Shapiro, William G. Bowen, hai cựu chủ tịch Princeton. Năm 1964, Hiệp hội các Giáo sư Hoa Kỳ (AAUP) công nhận ông Giải thưởng Alexander Meiklejohn cho những đóng góp của ông vào *Tự do học thuật*. Ông nhận được nhiều phần thưởng danh dự khác từ các đại học của Hoa Kỳ và hải ngoại.

<sup>21</sup> Zengakuren, tên tắt của "Toàn Nhật Bản Học sinh Tự trị hội Tổng Liên Hiệp" (All-Japan League of Student Self-Government), là một hội đoàn sinh viên cực tả, đã tổ chức những biểu tình bạo động suốt những năm 1960 chống chiến tranh Việt Nam. Tổng thống Eisenhower có lần dự định đến thăm Nhật Bản nhưng đã quyết định không cho máy bay đáp xuống do nhóm này tổ chức biểu tình tại phi trường. Tổ chức này hiện nay vẫn còn hoạt động.

Sinh thời Kerr rất yêu thiên nhiên. Ông thích trồng những hàng hoa đẹp cho vợ ngắm, và những cây táo mà ông yêu thích. Lớn lên trên nông trại táo ở Pennsylvania, ông có đặc điểm rất thích táo; người ta bảo rằng từ lúc tuổi teen, Kerr đã có khả năng phân biệt đến năm mươi loại cây táo khác nhau vào mùa đông khi cây đã trụi lá. Để vinh danh ông về khả năng tri thức đặc biệt này, Đại học bang Pennsylvania lấy tên ông đặt cho vườn táo cổ xưa của mình. Táo tượng trưng cho *tri thức* và sự *bất tử*. Ngày 20 tháng 2, 2004, những giỏ táo đẹp để trưng các loại táo mà ông ưa thích được trưng bày trân trọng trong lễ tưởng niệm đầy ý nghĩa dành cho ông. Những đóng góp trí tuệ của Clark Kerr cho nền Đại học California, và của cả Hoa Kỳ, là bất tử.

## PHỤ LỤC

### VỀ COLLEGE HOA KỲ

*Phép thử của một nền văn minh được xây dựng trên tự do là công dụng mà con người làm từ tự do mà họ hưởng được. Đó là một sự thất bại không chỉ khi con người sử dụng nó để làm những việc sai trái, mà còn khi họ sử dụng tự do để không làm gì hết, hay làm ít như có thể đủ để bảo đảm cuộc sống họ trong tiện nghi các nhân. Điều này đúng cho các thể chế chúng ta như một tổng thể và cho college Hoa Kỳ nói riêng... Cuộc chiến của văn minh không còn được tiến hành nữa ở chiến trường mà ở workshop, trên bàn làm việc, trong phòng thí nghiệm, và thư viện... Việc cốt yếu trong nền văn minh là sự chuẩn bị sẵn sàng của tuổi trẻ cho công việc của thế giới; không phải chỉ có sự cung cấp phong phú vật liệu, mà là một sản phẩm được đúc trong những dạng mẫu tốt nhất, được tôi và hoàn thành với mức độ cao nhất của sự hoàn thiện.*

A.Lawrence Lowell

trong một diễn từ trước sinh viên mới của Yale, 1916

Đôi chút về lịch sử của danh từ *college* có lẽ để giúp chúng ta hiểu thêm giáo dục đại học Mỹ. Danh từ *college* ở Mỹ có nhiều nghĩa, ngoài một loại trường đặc biệt có tính chuyên môn bậc cao, nhưng thông dụng nhất là các trường của giáo dục đại học (sau trung học phổ thông), nằm trong một đại học (*university college*), một phân khoa như luật hay kinh tế (còn được gọi là “trường”, *school*)..., hoặc một *college* độc lập. Vì thế người ta hay gặp danh từ đôi “*colleges and universities*”. Trong ngôn ngữ đại chúng *college* ám chỉ cả *college* lẫn đại học.

Cái thường được gọi “đại học cộng đồng” là các *community colleges* mà người Mỹ gọi trong hệ thống các *colleges* và *universities* của họ, có nguồn gốc từ Quy hoạch tổng thể (Master Plan) của bang California những năm 1960, sau đó lan toả đến nhiều bang khác, nhằm phân biệt chức năng của hệ này (2 năm) so với các hệ 4 năm (*State colleges*, đại học bang) và các (viện) đại học nghiên cứu (*University*) đào tạo tiến sĩ. Quy hoạch tổng thể nhằm đáp ứng sự tăng vọt của số sinh viên sau thế chiến thứ hai, tạo điều kiện cho mọi người được lên đại học nếu muốn.

Từ *college* là hơi ‘khó dịch’ sang tiếng Việt. Người ta không gọi là đại học mà *Williams college*, *Amherst college*, *Swarthmore college*, là những *college* về *liberal arts* (giáo dục khai phóng hay nhân văn, xoay quanh di sản văn hóa của văn minh phương Tây), mà điều kiện vào đó cũng khó không kém điều kiện vào Harvard, Yale, Columbia (Vũ Quang Việt). Có lẽ nên Việt nam hoá nó thành ‘*colleg*’ chẳng, như thế được phù hợp với cách gọi của Hoa Kỳ.

\*\*\*

College là một đặc thù của nền giáo dục Hoa Kỳ. Ở châu Âu, học sinh trung học khi bước ra khỏi lycée hay gymnasium thì sẽ lên thẳng đại học mà không có “lớp đệm” college. Phần nhân văn đã được đưa vào những năm cuối của phổ thông rồi. Ở Anh giáo dục nhân văn chỉ dành cho một thiểu số tinh hoa. (Devane) Ở Mỹ college có nhiệm vụ giáo dục nhân văn cho cấp cử nhân (undergraduate).

Giáo dục đại học Hoa Kỳ khởi đầu gần như cùng lúc với sự bắt đầu của hai giai đoạn lịch sử quan trọng của châu Âu là cuộc cách mạng khoa học và “thời đại của lý tính” (*age of reason*). Tác phẩm *Đối thoại giữa hai hệ thống chính* của Galilei được xuất bản năm 1632, chỉ bốn năm trước ngày thành lập college Harvard (1636); tác phẩm kế tiếp *Discorsi* của Galilei về cơ học xuất bản năm 1637, một năm sau Harvard. Tác phẩm *Principia* của Newton ra đời năm 1687, và tiểu luận về sự hiểu biết của con người của John Locke (*An Essay Concerning Human Understanding*) xuất bản năm 1690, ba năm trước ngày thành lập của college thứ hai, William & Mary. Thế kỷ mười bảy và mười tám là thời kỳ lập quốc của Hoa Kỳ.

Các các nhà giáo dục đại học Mỹ, những người đã từng tốt nghiệp tại các college Oxford và Cambridge, thành lập không phải đại học ngay mà đa số là college, mô phỏng theo các college Anh là những cộng đồng nhỏ đơn lẻ có chỗ ăn ở cho sinh viên và thầy giáo; các chương trình giáo dục cũng mô phỏng theo các chương trình cổ ngữ, kinh thánh, văn chương hay khoa học không-thực nghiệm của Cambridge và Oxford đã có từ thế kỷ 12 và 13, dựa trên học thuộc lòng. Bản thân của hai đại học Anh này vào thế kỷ 17, 18 và 19 cũng chỉ là những college chứ không phải là đại học lớn. Các college Mỹ ban đầu có trình độ giáo dục chỉ cao hơn trường trung học phổ thông một chút. Một điều nghe hơi nghịch lý là các trường này lại được thành lập ngay ở những vùng mới còn ít dân định cư và chưa có hệ thống giáo dục phổ thông. (Devane) Harvard khi thành lập năm 1636 chỉ là một college rất nhỏ. Lớp học đầu tiên có chín sinh viên, các học viên học chung khoảng mười môn học, tất cả đều do vị hiệu trưởng dạy.

College thường được ví như “trái tim” của giáo dục nhân văn Mỹ. Vì nguồn gốc giáo dục nhân văn xuất phát từ đó, và một phần từ các college hôm nay Woodrow Wilson, với tư cách là (cựu) chủ tịch của đại học Princeton đã từng có nói rằng college “không phải là nơi một thanh niên tìm thấy nghề mình, mà là nơi anh ta tìm thấy chính mình.” (González) Wilson đã có kỳ vọng “biến các thanh niên chẳng suy nghĩ, chỉ biết thực hiện nhiệm vụ, thành những con người biết tư duy”. Giáo dục nhân văn có mối liên hệ với vị thế xã hội. Đây là truyền thống giáo dục của lý tưởng Hy Lạp về sự phát triển toàn diện con người. Các gia đình giàu có thường muốn cung cấp cho con cái mình giáo dục nhân văn, với kỳ vọng vào những vị trí xã hội cao.

Thế hệ các cha lập quốc Hoa Kỳ, như Jefferson, Adams, Madison... được đào tạo từ các trường grammar school, tiếp đến tại các colleges, trong văn hoá Hy-La. Grammar ở đây không phải là văn phạm tiếng Anh, mà chủ yếu văn phạm tiếng Hy Lạp và La tinh. Ở đó học sinh được dạy nhiều tác giả cổ đại Hy-La từ nguyên ngữ, như Demosthenes, Cicero, Herodotus, Thucydides, Plato, Caesar, Tacitus, Sallust, Cato... Thậm chí tiếng Anh không được dạy ở đó, vì tầm quan trọng của văn hoá Hy-La cho tuổi trẻ. College thường đòi hỏi thêm ba năm nữa tiếng Hy Lạp và La tinh. Các vị cha lập quốc Hoa Kỳ là những người chịu ảnh hưởng rất lớn của văn hoá Hy-La trong tư tưởng và hành động của mình (cũng như chịu ảnh hưởng khoa học rất lớn của Newton và Locke). Rồi họ khuyến khích các con em mình tiếp tục học văn hoá Hy-La. (Richard) Douglas Bush đã chỉ ra rằng ở châu Âu (ít ra từ thời Phục Hưng đến thế kỷ mười tám) cũng trên nền văn hoá cổ đại này mà đã nảy sinh ra những nhà tư tưởng lớn độc đáo như Copernicus, Kepler, Galilei, Machiavelli, Rabelais, Montaigne, Erasmus, Spencer, Shakespeare, Bacon, Milton và một chuỗi khác. (Bell)

Các college có mục đích phát triển một ý thức của sự thống nhất tại một đất nước mới qui tụ con người từ nhiều quốc gia khác nhau của châu Âu. College phát triển học thuật, chiến đấu chống lại ngu dốt và hoang dã. College là sự hỗ trợ cho nhà nước. Nó tạo công dân, lòng trung thành, theo tiếng gọi của lương tâm và tín ngưỡng. College đào tạo nghề nghiệp và một đạo quân nhà giáo. College “làm cho con người người hơn, nhân văn nhân bản hơn; tăng cường nghị luận về lý tính, trí tuệ và tín ngưỡng, và để nhóm lên các đốm lửa dẫn đường của chân lý trên tất cả các đỉnh cao của sự tồn tại” như chủ tịch của hội đồng quản trị college California diễn tả năm 1868. (Rudolph)

Trong hai thế kỷ 17 và 18, các college Hoa Kỳ có một sự chuyển biến nhất định theo hướng khoa học. Tuy xuất phát từ giáo dục văn hoá Hy Lạp như một tất yếu lịch sử dưới tác động của Phục Hưng và của giáo dục đại học thời Trung cổ (triết học và khoa học của Aristote), nhưng khoa học, thể hiện qua triết học tự nhiên, thâm nhập dần theo hướng hiện đại. Hệ thống Ptolemy trong thiên văn bị “khai tử” nhanh chóng tại Harvard năm 1659, được thay vào đó bằng hệ thống Copernice. Triết học tự nhiên theo hướng Newton được phát triển. Khoa học tự nhiên và toán học bắt đầu khởi động khi college William & Mary thành lập chiếc ghế giáo sư môn triết học tự nhiên và toán học vào năm 1711. Yale cũng đi theo Locke, Newton và Copernice.

Các college đáp ứng tốt việc đào tạo nhân sự lãnh đạo cho nhà thờ và nhà nước, cung cấp các nhà thần học, bác sĩ, luật sư, chính trị gia cho đến đầu thế kỷ 19, khi các college tỏ ra cứng nhắc và trì hoãn mọi sự đổi mới. Nhưng phải đợi đến cuộc bút phá cuối thế kỷ mười chín các môn khoa học mới thật sự thâm nhập vào giáo dục đại học. Sự phát triển đất nước sau cuộc nội chiến đặt những đòi hỏi mới cho cuộc xây dựng công nghiệp hoá. Cuộc cách mạng công nghiệp thứ hai, cách mạng công nghệ, ở châu Âu từ giữa thế kỷ 19 diễn ra mạnh mẽ. Giáo trình cổ điển không còn thuyết phục. Luật giao đất ra đời năm 1862 nhằm thay đổi tình hình, khuyến khích các ngành ứng dụng cho nông nghiệp và kinh tế. Ý tưởng đại học bắt đầu bén rễ. Nước Đức, với các đại học theo kiểu mới (Humboldt), “thủ đô của tri thức” của thế giới, tạo ra khoa học, công nghệ và chuyên gia, ảnh hưởng lớn lên Hoa Kỳ. Hàng ngàn thanh niên Mỹ đổ xô đi Đức để được đào tạo, và đã mang về những ý tưởng cải cách các college theo hướng nghiên cứu khoa học, đào tạo sinh viên graduate. Hệ thống tự chọn các môn học (elective system), theo tinh thần *Lernfreiheit* của Humboldt, là một sự *phân hoá mạnh mẽ* giữa nhân văn và khoa học. Khoa học trở thành một “đối thủ” cạnh tranh “nguy hiểm” cho nhân văn. “Sự khác biệt cơ bản giữa một college và đại học là cách nhìn của cả hai. Đại học nhìn phía trước còn college thì nhìn về phía sau” như Edwin Slosson viết năm 1910 (Thelin). Nhưng các college đã làm một cuộc tiến hoá.<sup>31</sup>

<sup>31</sup> Tại Anh, từ sau giữa thế kỷ mười chín, Cambridge và Oxford cũng chuyển động, tuy chậm hơn, ít nhiệt tình hơn Hoa Kỳ, theo hướng mô hình Đức của học thuật tự do và nghiên cứu hàn lâm. Một sự biện minh mới cho giáo dục phóng khoáng hình thành: đó là sự đi tìm chân lý, không phải chân lý vĩnh cửu, mà chân lý bất chợt, dựa trên dữ kiện và nguồn gốc. Sự xuất hiện của *Nguồn gốc các loài* của Darwin thúc đẩy các đại học Anh rời bỏ giáo dục nhân văn cổ điển để chuyển sang đại học nghiên cứu như Đức. Huxley quan niệm “giáo dục nhân văn” (liberal education) cần được hướng vào việc tăng trưởng tri thức con người, và được “xây dựng trên niềm tin không do dự rằng việc sử dụng tự do lý tính, theo phương pháp khoa học, là phương pháp duy nhất để đạt đến chân lý.” (Kimball) Nội dung của giáo dục nhân văn đã có những bước chuyển qua các thời đại, từ *paideia* của Hy Lạp sang *humanitas* của La Mã rồi *artes liberales* (liberal arts) của thời trung cổ, *humanism* thời Phục Hưng, *Bildung* của Đức đầu thế kỷ 19, và diễn biến với những thay đổi tùy thời cho đến hôm nay. Mục đích của giáo dục này ban đầu là tạo hình một *con người toàn diện* (the whole man), thân thể và tâm hồn (body and soul), giác quan và lý trí (sense and reason), tính cách và tinh thần (character and mind), xem con người là một chủ thể tuyệt đối, không phải là “những chiếc răng bánh xe trong cỗ máy chính trị, hay các con ong thành viên trong tổ ong”. Giáo dục nhân văn chỉ nhắm tới con người tự nó mà không quan tâm đến nghề nghiệp hay kỹ thuật. Con người phải thông thạo các tác phẩm cổ điển, phải ăn nói như những nhà hùng biện, và phải lý luận như những triết gia (Marrou). Mỗi thời và hoàn cảnh lịch sử có cái “giáo dục nhân văn” riêng, với một số mục tiêu nhất định xuất phát từ tinh thần của *paideia*. Ở La Mã, mục tiêu của giáo dục là phục vụ Nhà nước, Nhà nước La Mã, tuy vẫn theo tinh thần nhân văn của thời Hy Lạp hoá (Hellenistic). Sau khi Đế chế trở thành Ki-tô giáo, nó phục vụ Thiên Chúa. Ở Hoa Kỳ giữa cuộc Nội chiến và Thế chiến II, người ta hiểu giáo dục khai phóng (liberal education) là có mục đích *giải phóng* (liberating) trí tuệ con người, làm cho nó tự do. Hai chữ *liberal* và *liberating* được hiểu là đồng nghĩa với nhau, như J. Dewey nhận xét (Kimball). Tuy nhiên, *legacy* muôn thuở của của giáo dục cổ đại để lại cho thế giới là “Giáo dục cổ điển vẫn tiếp tục kể cho chúng ta nghe rằng không có

Người ta có thể phân biệt hai giai đoạn lịch sử. Giai đoạn từ 1636-1870, ở đó chương trình học có tính chất “khai phóng”, tập trung vào di sản văn hóa của nền văn minh phương Tây, tạo ra các nghề đương thời như mục sư, bác sĩ, luật sư, nhà giáo. Giai đoạn thứ hai từ 1870-1960 nhằm tạo ra tri thức mới, đào tạo vốn nhân lực (human capital) để ứng dụng khoa học, công nghệ vào kinh tế, để tăng trưởng GDP và thu nhập cá nhân. Chương trình học ít hướng đến văn hóa mà đến “tri thức hữu dụng” (knowledge for use) nhiều hơn, phần lớn các khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. (Missions of the College Curriculum)

Sự phát triển vũ bão của khoa học và chuyên môn hoá thế kỷ hai mươi đã làm giảm nhẹ đi vai trò của giáo dục nhân văn tại các colleges. Nhân văn không được xem là hữu dụng, và sự chuyên môn hoá để nhanh chóng trở thành chuyên gia hay có nghề nghiệp sớm đã thu ngắn, dồn nén lại và cô đọng hơn nội dung của các môn nhân văn. Các giáo trình có thể so sánh với các giáo trình căn bản của college được đưa xuống trường trung học cấp ba. Nhân cách không có đủ thời gian và vật liệu để chín mùi. Sự chăm lo và rèn luyện tinh thần cho sinh viên giảm sút. Sự thu hoạch kiến thức mới nhắm tới một sự thành công nhanh là quan trọng hơn. Tri thức khoa học ở Anh từ thời Newton đã tăng trưởng nhân đôi cứ khoảng mười lăm năm một lần, nay chỉ còn mười năm ở Mỹ một lần. Con người phải chạy theo vận tốc phát triển và giảm đi sự phát triển chiều sâu của tinh thần và nhân cách. Số lượng sinh viên trong lớp càng đông. Sự giảng dạy ngày càng ít có tính cá nhân hơn. Một số đại học lớn phải sử dụng đến một số lượng sinh viên graduate lớn để chăm sóc sinh viên undergraduate. Người ta bảo nên giáo dục đang “bán sớm lúa giống”. “Đừng để họ ăn vào lúa giống của họ”, Emerson nói, hàm ý rằng sinh viên chưa thể đủ sức để trở thành “những người lớn trẻ” trước khi chúng qua hết thời niên thiếu. (Van Doren) Có người lo ngại rằng phải chăng nước Mỹ đang muốn quay lại nền giáo dục không có colleges của Pháp, Đức? (Devane) Một cách nghịch lý, trong khi phạm vi giáo dục tổng quát (general education) ở Hoa Kỳ bị thu lại có lợi cho sự chuyên môn hoá hẹp, thì ý tưởng giáo dục tổng quát trở nên được ưa thích hơn tại Anh, đặc biệt tại bảy trường đại học mới được thành lập trong những năm 1960. (Bell)

Các college, tuy yêu lòng mộ đạo hơn tri thức, dành ưu tiên cho tính cách hơn học thuật, nhưng chưa bao giờ kết thân với ngu dốt. (Rudolph)

Đại học ngày nay càng cam kết theo định hướng kỹ trị, như Bell viết: nghề nghiệp, chuyên nghiệp và phụng sự xã hội, nhưng mặt khác nó còn có vai trò *humanitas*, nhân văn mà tuyền thống của nó đang có nguy cơ bị quét đi bởi những dòng nước chảy xiết. Các college nhân văn (liberal arts<sup>41</sup>) vẫn còn vai trò quan trọng trong giáo dục đại học như những cái neo để giữ lại hồn nhân văn, vì cái “minh triết vốn tiềm tàng và ẩn náu trong bản năng” cần quá trình “chín mùi về tri thức một cách tự nhiên” trong sinh viên vốn còn đang mang trong mình “thú tính” tự nhiên của tuổi thanh niên (‘adolescent beast’). (Devane, Bell) Giáo dục nhân văn cũng còn nhằm “giải phóng một con người lớn (adult) trong đứa trẻ”. Sự thu ngắn lại các năm college, tăng tốc đưa một đứa trẻ nhanh chóng vào trường graduate, điều đó không chỉ hủy hoại đối với college mà còn đáng lo ngại hơn, có thể hủy hoại đối với bản thân sinh viên. (Bell)

*California, Xuân Quý Tỵ, 2013,*

*Được bổ sung tại TP Hồ Chí Minh.*

### *Tài liệu tham khảo*

hình thái chính quyền nào, không ngành trí thức nào, không môn kỹ thuật nào, sẽ trở thành vĩnh viễn là cứu cánh của tự nó; bởi vì các thứ đó được tạo ra bởi con người, và được xem như để phục vụ con người, nên chúng phải luôn luôn, dù kết quả của chúng thế nào, phục tùng vào cách mà chúng được sử dụng cho một giá trị tối cao: nhân loại.” (Marrou).

<sup>41</sup> *Liberal arts* có khác với *humanities* đôi chút ở chỗ cái sau có thêm phần lịch sử và nhấn mạnh của các môn hùng biện (rhetoric) và triết học đạo đức (moral philosophy). (Sanz & Bergan)

1. Adams, Henry, *The Education of Henry Adams*. Mariner Books, 2000.
2. Bell, Daniel, *The Reforming of General Education. The Columbia College Experience in its National Setting*. Foreword by David B. Truman. Columbia University Press, 1966.
3. Clark, William, *Academic Charisma and the Origins of the Research University*. The University of Chicago Press, 2006.
4. Cohen, I. Bernard, *Science and the Founding Fathers. Science in the political thought of Thomas Jefferson, Benjamin Franklin, John Adams & James Madison*. Norton, 1997.
5. Devane, William C., *The College of Liberal Arts*. Tạp chí *Daedalus*, Vol. 93, No.4, The Contemporary University: U.S.A. (Fall, 1964), pp. 1033-1050. MIT Press on behalf of American Academy of Arts & Sciences.
6. Durham, Geoffrey, *The Spirit of the Quakers*. Yale University Press, 2010.
7. Ferris, Timothy, *The Science of Liberty. Democracy, Reason, and The Laws of Nature*. HarperCollinsPublishers, 2010.
8. Fincher, Cameron, *The influence of British and German universities on the historical development of state universities in the U.S.A. and their reciprocal influence since World War II*. Trong Edgar Frackmann & Peter Maassen, *Towards Excellence in European Higher Education in the 90's*. Proceedings. 11<sup>th</sup> European AIR Forum. August 27-30, 1989. Tr. 293-309.
9. Gade, Marian L. & George Strauss, *In Memoriam: Clark Kerr*. <http://www.universityofcalifornia.edu/senate/inmemoriam/clarkkerr.html>
10. Gardner, David P., *Clark Kerr: Triumphs and Turmoi*. Research & Occasional Paper Series: CSHE.10.12, UC Berkeley, July 2012. Trong Rothblatt, 2012.
11. Geiger, Rober L. (ed), *The American College in the Nineteenth Century*. Vanderbilt University Press, 2000.
12. Gillispie, Charles Coulston, *The Edge of Objectivity. An Essay in the History of Scientific Ideas*. Princeton University Press, 1960.
13. Gray, Hanna Holborn, *Searching for Utopia. Universities and their Histories*. University of California Press, 2012.
14. González, Cristina, *Clark Kerr's University of California. Leadership, Diversity, and Planning in Higher Education*. Transaction Publishers, 2011.
15. González, Cristina, *Colleges Should Cultivate Leaders Within Their Own Ranks*. July 10, 2011. In <http://chronicle.com/article/Colleges-Should-Cultivate/128171/>
16. Hayek, Friedrich A., *The Use of Knowledge in Society*. Trong *The Libertarian Reader*, ed. David Boaz, tr. 215-224. The Free Press, 1997.
17. Heidegger, Martin, *Die Selbstbauptung der deutschen Universität* (bản dịch tiếng Anh: *The Self-Assertion of the German University*). Diển văn nhậm chức hiệu trưởng đại học Freiburg, 1933. Trong *Review of Metaphysics*, 38 (March 1985), 467-502. Có thể tìm trên Internet.
18. Hofstadter, Richard & Metzger, Walter P., *The Development of Academic Freedom in the United States*. Columbia University Press, 1955.
19. Hofstadter, Richard, *Social Darwinism in American Thought. With a new Introduction by Eric Foner*. Beacon Press Boston, 1992.
20. Humboldt, Wilhelm von, *Tinh thần và Cơ cấu tổ chức của các Thể chế khoa học cao ở Berlin*. Trong “Kỷ yếu Đại học Humboldt 200 Năm” như dưới đây. Tr.187-200.
21. Jaspers, Karl, *Die Idee der Universität*. Springer, 1946, in lại 1980.
22. Jencks, Christopher & Riesman, David, *The Academic Revolution*. Transactions Publishers, 2002.
23. Kerr, Clark, *The Great Transformation in Higher Education 1960-1980*. State University of New York Press, 1991.
24. Kerr, Clark & Marian L. Gade & Maureen Kawaoka, *Troubled Times for American Higher Education: The 1990's and Beyond*. State University of New York Press, 1994.
25. Kerr, Clark, Marian L. Gade & Maureen Kawaoka, *Higher Education Cannot Escape History: Issues for the Twenty-First Century*. State University of New York Press, 1994.

26. Kerr, Clark, *The Uses of the University*. Harvard University Press, Fifth edition, 2001.
27. Kerr, Clark, *The Gold and the Blue: A Personal Memoir of the University of California (1949-1967). Volume I: Academic Triumphs*. University of California Press, 2001.
28. Kerr, Clark, *The Gold and The Blue: A Personal Memoir of the University of California, 1949-1967. Volume II: Political Turmoil*. University of California Press, 2003.
29. Kerr, Clark, *Shock Wave II: An Introduction to the Twenty-First Century*. Trong Brint, Steven (ed), *The Future of the City of Intellect*. Stanford University Press, 2002. Trang 1-22.
30. Kimball, Bruce A., *Orators and Philosophers. A History of the Idea of Liberal Education*. With a Foreword by Joseph L. Featherstone. Teachers College Press, 1986.
31. Kirp, David L., *Shakespeare, Einstein, and the Bottom Line. The Marketing of Higher Education*. Harvard University Press, 2003.
32. Lâm Quang Thiệp, *Humboldt, Hoa Kỳ và Đại học Việt Nam*. Tr. 291-306, trong “Kỷ yếu Đại học Humboldt 200 Năm” (dưới đây).
33. Lewis, Harry R., *Excellence Without A Soul. Does Liberal Education Have a Future?* PublicAffairs, 2007.
34. Long, Edward LeRoy, *Higher Education as A Moral Enterprise*. Georgetown University Press, 1992.
35. Luey, Beth, *Expanding the American Mind. Books and the Popularization of Knowledge*. University of Massachusetts Press, 2010.
36. Marrou, H.I., *A History of Education in Antiquity*. The University of Wisconsin Press, 1956.
37. *Master Planner*. Tạp chí TIME số ngày 17 tháng 10, 1960.
38. Nguyễn Xuân Xanh, *Đại học. Lịch sử một ý tưởng*. Trong “Kỷ yếu Đại học Humboldt 200 Năm (1810-2010)”, trang 33-143. Chủ biên: Ngô Bảo Châu, Pierre Darriulat, Cao Huy Thuần, Hoàng Tuy, Nguyễn Xuân Xanh, Phạm Xuân Yêm. NXB Tri Thức, Hà Nội, 2011.
39. Nguyễn Xuân Xanh, *Tiểu luận dẫn nhập cho Nghĩa vụ Học thuật (Academic Duty) của Ronald Kennedy*. Sắp công bố, 2012.
40. Nussbaum, Martha C., *Cultivating Humanity. A Classical Defense of Reform in Liberal Education*. Harvard University Press, 1977.
41. Pelfrey, Patricia A., *A Brief History of the University of California*. Second edition. University of California Press, 2005.
42. *Remembering Clark Kerr 1911-2003*. The University of California at Berkeley, 2003. (Tài liệu do GS Cristina González cung cấp.)
43. Richard, Carl J., *The Golden Age of the Classics in America. Greece, Rome and the Antebellum United States*. Harvard University Press, 2009.
44. Richard, Carl J., *Greeks & Romans Bearing Gifts. How the ancients inspired the founding fathers*. Romans & Littlefield Publishers, Inc., 2009.
45. Rothblatt, Sheldon & Wittrock, Björn (eds), *The European and American University since 1800. Historical and sociological essays*. Cambridge University Press, 1996.
46. Rothblatt, Sheldon (ed), *Clark Kerr's World of Higher Education Reaches the 21st Century: Chapters in a Special History*. Springer; 2012 Edition.
47. Rudolph, Frederick, *The American College & University. A History. Introductory Essay and Supplemental Bioglyphy by John R. Thelin*. University of Georgia Press, 1990.
48. San, Nuria & Bergan, Sjur (eds), *The Heritage of European Universities*. Second edition. Council of Europe Publishing, 2006.
49. Shapiro, Harold T., *A Larger Sense of Purpose: Higher Education and Society*. Princeton & Oxford: Princeton University Press, 2005.
50. Snow, C.P., *The Two Cultures*. Cambridge University Press, 1998.
51. Parsons, Talcott & Platt, Gerald M., *The American University*. Harvard University Press, 1973.
52. The Carnegie Foundation for the Advancement of Teaching. *Missions of the College Curriculum. A Contemporary Review and Suggestion*. Jossey-Bass, Inc., Publishers, 1977.



53. Thelin, John R., *A History of American Higher Education*. Johns Hopkins University Press, 2004.
54. Vest, Charles M., *The American Research University from World War II to World Wide Web*. Clark Kerr Lectures on The Role of Higher Education in Society. University of California Press, 2007.
55. Veysey, Laurence R., *The Emergence of the American University*. The University of Chicago Press, 1970.
56. Voss, John & Ward, Paul L. (eds), *Confrontation and Learned Societies*. New York University Press, 1970.
57. Vũ Quang Việt, *Đại học Hoa Kỳ*. Tr. 259-278, trong “Kỷ yếu Đại học Humboldt 200 Năm” ở trên.
58. Washburn, Jennifer, *University Inc.. The Corporate Corruption of Higher Education*. Basic Books, 2006.
59. Watson, Peter, *The German Genius*. HarperCollinsPublishers, 2010.
60. Wittrock, Björn, *The Modern University: The Three Transformations*. Trong: Rothblatt & Wittrock, *The European and American University since 1800*, tr. 303-362.
61. Wildavsky, Ben; Kelly, Andrew P.; Carey, Kevin (ed.), *Reinventing Higher Education. The Promise of Innovation*. Harvard University Press, 2011.